

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06-9-2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hứa Thị Thanh Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Hồng Thu.

2. Bà Hoàng Thị Mơ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tạ Thị Hồng Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Văn N**, sinh năm 1960; nơi thường trú và chỗ ở: **Số D, đường M, khối H, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.**

- *Bị đơn:* Bà **Lâm Thị H**, sinh năm 1984; nơi thường trú và chỗ ở: **Số D, đường M, khối H, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.**

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Phạm Văn N** trình bày: Đầu năm 2014, qua người quen giới thiệu nên ông

quen biết bà Lâm Thị H. Ngày 13/12/2014, ông và bà Lâm Thị H đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi đăng ký kết hôn, bà Lâm Thị H đến chung sống cùng ông tại nhà của ông ở địa chỉ số B cũ nay là số D, đường M, khối H, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Cuộc sống vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn gì. Quá trình chung sống ông được biết mẹ đẻ của bà Lâm Thị H đã sang Trung Quốc lấy chồng và đưa bà Lâm Thị H sang theo từ khi bà Lâm Thị H 08 tuổi, mẹ của bà Lâm Thị H vẫn sống ở Trung Quốc cho đến nay. Bà Lâm Thị H đã từng lấy chồng ở Trung Quốc. Bà Lâm Thị H quê gốc ở huyện H, tỉnh Nam Định là nơi bố bà Lâm Thị H vẫn đang sinh sống ở đó nhưng ông chưa về quê bà Lâm Thị H bao giờ. Từ tháng 7 năm 2015, bà Lâm Thị H bỏ nhà đi, đi đâu làm gì ông không biết. Từ khi bỏ đi đến nay, bà Lâm Thị H có vài lần gọi điện về cho ông từ số điện thoại 0983.253.966 và số 0989.191.658, lần gần đây nhất là khoảng đầu năm 2023 bà Lâm Thị H gọi về từ số 0983.253.966 nói với ông rằng bà Lâm Thị H không về nữa, ông đi lấy ai khác thì lấy. Nhiều lần ông gọi điện cho bà Lâm Thị H theo các số điện thoại nói trên nhưng đều không liên lạc được. Ông không biết người thân thích nào của bà Lâm Thị H để hỏi thông tin, tung tích bà Lâm Thị H. Ông xác định ông và bà Lâm Thị H đã thực tế ly thân từ tháng 7/2015 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn ông nên yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lâm Thị H. Về con chung, nợ chung và tài sản chung đều không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho bà Lâm Thị H tại địa chỉ số D, đường M, khối H, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nhưng không thể tổng đạt được do bà Lâm Thị H đã không ở địa chỉ này từ lâu, đi đâu làm gì không ai biết. Kết quả xác minh ngày 25/6/2024 tại Công an phường V, thành phố L thể hiện: Bà Lâm Thị H, sinh năm 1984, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số B cũ nay là số D đường M, khối H, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Hồ sơ không thể hiện bà Lâm Thị H khai báo tạm vắng và chuyển hộ khẩu đến nơi khác.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật và đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng nhấn tin thông báo cho bà Lâm Thị H đến Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn giải quyết vụ án ly hôn với ông Phạm Văn N nhưng bà Lâm Thị H đều vắng mặt, không trình bày ý kiến, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần Hội đồng xét xử hợp pháp. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự, cấp tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 179, 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Văn N**; về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông **Phạm Văn N** được ly hôn với bà **Lâm Thị H**; về con chung, tài sản chung và nợ chung đều không có nên không xem xét; về án phí: Miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm cho ông **Phạm Văn N** do ông **Phạm Văn N** là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp án phí. Ông **Phạm Văn N** phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn bà **Lâm Thị H** theo quy định pháp luật và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, bà **Lâm Thị H** đều vắng mặt, không rõ lý do và không trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án. Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn ông **Phạm Văn N** có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn bà **Lâm Thị H** vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Phạm Văn N** và bà **Lâm Thị H** kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi chung sống được 06 tháng, từ tháng 7/2015 bà **Lâm Thị H** đã bỏ nhà đi, đi đâu làm gì không ai biết. Theo ông **Phạm Văn N** trình bày, từ tháng 7/2015 đến nay, bà **Lâm Thị H** không trở về nhà lần nào, bà **Lâm Thị H** có vài lần gọi điện cho ông **Phạm Văn N** nhưng không cho biết địa chỉ hiện đang ở đâu, đang làm gì và bảo bà **Lâm Thị H** sẽ không trở về với ông **Phạm Văn N** nữa, ông **Phạm Văn N** lấy ai khác thì lấy. Như vậy, ông **Phạm Văn N** và bà **Lâm Thị H** thực tế đã không sống chung với nhau trong một thời gian dài hơn 09 năm, từ tháng 7 năm 2015 đến nay, không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông **Phạm Văn N** và bà **Lâm Thị H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông **Phạm Văn N** xin ly hôn bà **Lâm Thị H** là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung đều không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[4] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông **Phạm Văn N** là người yêu cầu Tòa án thông báo khẩn tin trên phương tiện thông tin đại chúng tới bà **Lâm Thị H** nên phải chịu chi phí tổng số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Xác nhận ông **Phạm Văn N** đã nộp đủ.

[5] Về án phí: Ông **Phạm Văn N** là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông **Phạm Văn N** người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên Hội đồng xét xử miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm cho ông **Phạm Văn N** theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại ông **Phạm Văn N** số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0000239 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Văn N**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông **Phạm Văn N** ly hôn với bà **Lâm Thị H**.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 121/2014, đăng ký kết hôn ngày 13/12/2014 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông **Phạm Văn N** phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tổng số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Xác nhận ông **Phạm Văn N** đã nộp đủ.

3. Về án phí: Miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm cho ông **Phạm Văn N**. Hoàn trả lại ông **Phạm Văn N** 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0000239 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông **Phạm Văn N**, bị đơn bà **Lâm Thị H** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn;
- UBND P. Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Thị Thanh Xuyên